

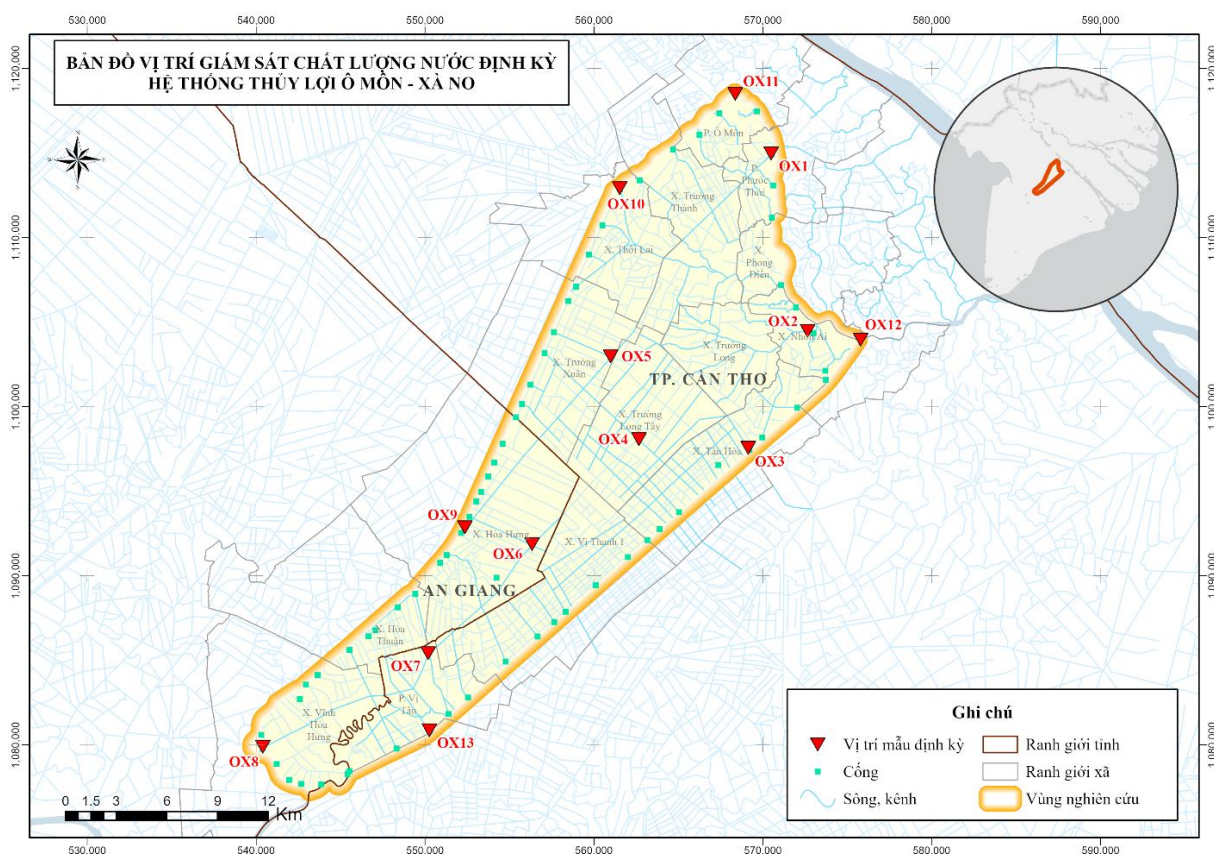
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 4 năm 2026

Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi
Ô Môn - Xà No, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp năm 2026

BẢN TIN THÁNG 04

I. Vị trí giám sát, dự báo chất lượng nước

Vị trí các trạm giám sát, dự báo chất lượng nước định kỳ được đặt ở những điểm các kênh trực quan trọng trong khu vực nội đồng, có tầm ảnh hưởng lớn đến các khu vực xung quanh. Những kênh có công thì trạm dự báo được đặt gần công, phía trong đồng nhằm mục đích đánh giá được chính xác và tổng quan nhất mức độ ô nhiễm của nguồn nước khi vận hành công trình. Nhiệm vụ quan trọng 13 điểm phục vụ giám sát, dự báo chất lượng nước được trình bày trong hình sau:



Hình 1. Bản đồ vị trí các trạm giám sát, dự báo chất lượng nước định kỳ

Bảng 1. Thông tin vị trí các trạm giám sát, dự báo chất lượng nước định kỳ

TT	Ký hiệu	Vị trí điểm đo	Tọa độ điểm quan trắc		Xã/ Phường	Tỉnh/ Thành phố
			X	Y		
1	OX1	Cổng KH8-Đ	570.038	1.114.412	P. Phước Thới	TP. Cần Thơ
2	OX2	Cổng KH9-Đ	572.511	1.104.363	Nhon Ái	TP. Cần Thơ
3	OX3	Cổng Bà Đầm C	569.025	1.097.787	Tân Hòa	TP. Cần Thơ
4	OX4	Giao giữa kênh KH9 và 4000	562.609	1.098.063	Trường Long Tây	TP. Cần Thơ
5	OX5	Kênh KH8 (gần kênh Tô Ma)	561.066	1.102.877	Trường Xuân	TP. Cần Thơ
6	OX6	Giao giữa kênh KH9 và 14000	556.360	1.091.827	Hòa Hưng	An Giang
7	OX7	Giao giữa kênh lộ 62 và KH9	550.263	1.085.552	P. Vị Tân	TP. Cần Thơ
8	OX8	Cổng KH9-C	541.037	1.080.244	Vĩnh Hòa Hưng	An Giang
9	OX9	Cổng KH8-C	552.403	1.092.846	Hòa Hưng	An Giang
10	OX10	Cổng Xèo Xào	561.676	1.112.424	Thới Lai	TP. Cần Thơ
11	OX11	Cầu Ô Môn	568.242	1.118.461	P. Ô Môn	TP. Cần Thơ
12	OX12	Ngã 3 sông Cần Thơ và kênh Xà No, bến đò Vàm Xáng	575.794	1.103.901	Nhon Ái	TP. Cần Thơ
13	OX13	Cầu Đoàn Kết	550.523	1.080.890	P. Vị Tân	TP. Cần Thơ

II. Thông tin tại thời điểm lấy mẫu

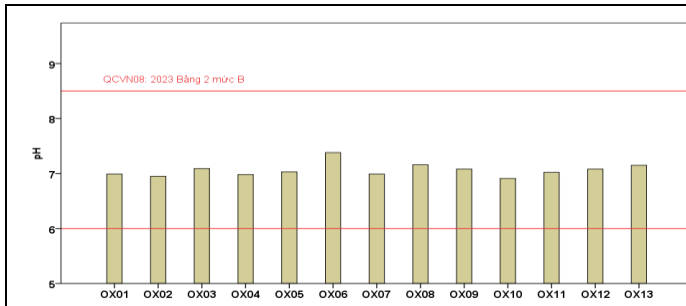
Bảng 2. Thông tin tại thời điểm lấy mẫu trong vùng dự án

TT	Kí hiệu	Đợt 1: Ngày 19/03/2026
1	OX1	Trời nắng, cống mở, kênh có rác, khu vực đông dân cư, có cống thải dân sinh.

TT	Kí hiệu	Đợt 1: Ngày 19/03/2026
2	OX2	Trời nắng, cống mở, kênh có rác, khu vực đông dân cư, có cống thải dân sinh.
3	OX3	Trời nắng, cống mở, kênh có rác, khu vực đông dân cư, có cống thải dân sinh.
4	OX4	Trời nắng, kênh có rác, khu vực ít dân cư
5	OX5	Trời nắng, kênh có rác, khu vực ít dân cư
6	OX6	Trời nắng, kênh có rác, khu vực ít dân cư
7	OX7	Trời nắng, kênh có rác. khu vực ít dân cư
8	OX8	Trời nắng, cống mở, kênh nhiều lục bình, khu vực ít dân cư
9	OX9	Trời nắng, cống mở, kênh có rác, khu vực ít dân cư
10	OX10	Trời nắng, cống mở, kênh có rác, khu vực đông dân cư, có cống thải dân sinh.
11	OX11	Trời nắng, kênh có rác, khu vực đông dân cư, có cống thải dân sinh.
12	OX12	Trời nắng, kênh có rác, khu vực đông dân cư, có cống thải dân sinh.
13	OX13	Trời nắng, kênh có rác, khu vực đông dân cư, có cống thải dân sinh.

III. Kết quả giám sát chất lượng nước đợt 01 năm 2026

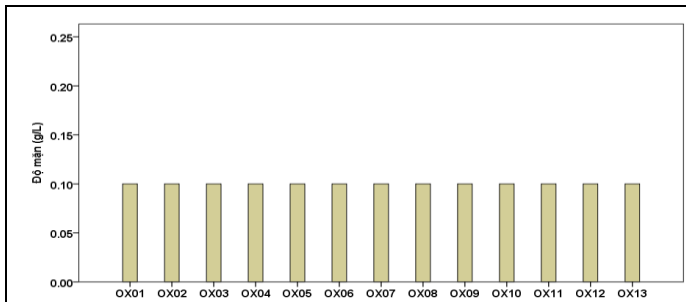
1. Độ pH



Hình 2. Giá trị pH tại các vị trí quan trắc

Độ pH tại các vị trí quan trắc dao động trong khoảng giá trị khá hẹp từ 6,91 – 7,38 và nằm trong khoảng giới hạn cho phép theo mức B – Bảng 2 QCVN08:2023/BTNMT, đáp ứng yêu cầu cấp nước cho mục đích sản xuất công nghiệp.

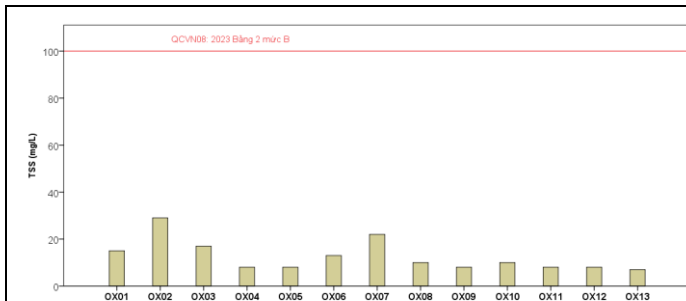
2. Độ mặn



Hình 3. Giá trị độ mặn tại các vị trí quan trắc

Độ mặn của nước là 0,1 g/l tại tất cả các vị trí quan trắc đều thấp hơn 1 g/l.

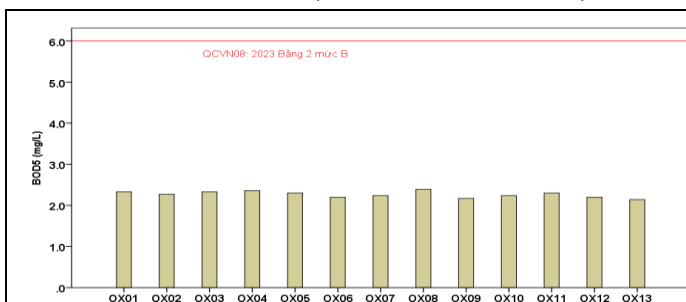
3. TSS



Hình 4. Giá trị TSS tại các vị trí quan trắc

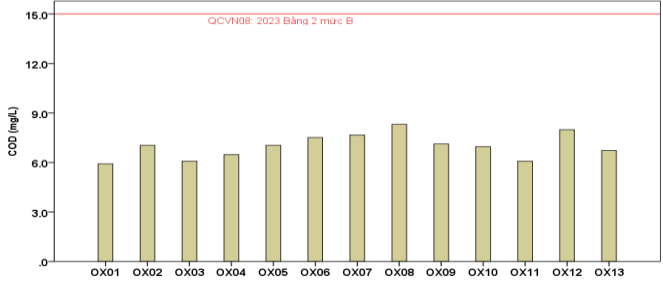
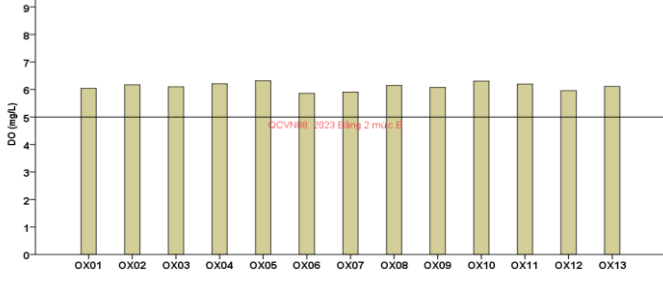
Giá trị trung bình tổng chất rắn lơ lửng (TSS) dao động trong khoảng từ 7 – 29 mg/l. Tất cả vị trí có TSS thấp hơn giới hạn theo mức B - Bảng 2 QCVN08:2023/BTNMT.

4. Ô nhiễm hữu cơ (BOD₅, COD, DO)

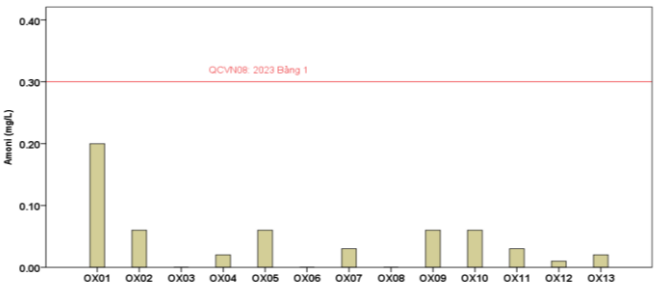
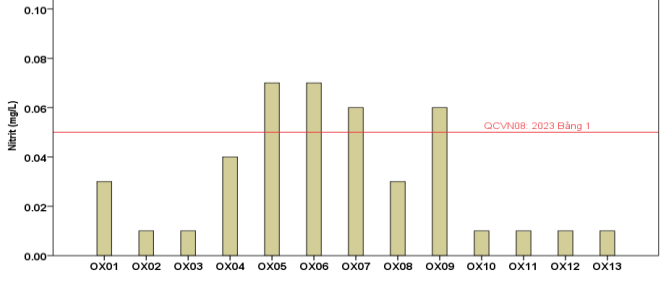


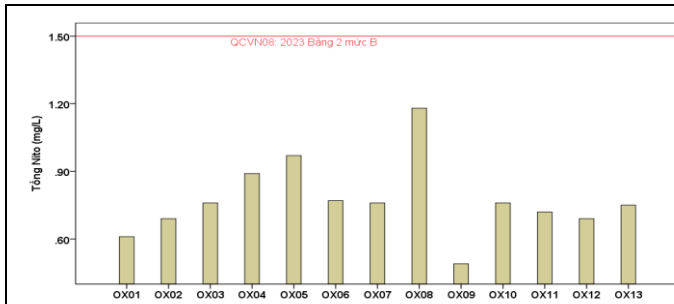
Hình 5. Giá trị BOD₅ tại các vị trí quan trắc

Thành phần nhu cầu ôxy sinh hóa (BOD₅) của các mẫu nước khá thấp, nằm trong khoảng 2,1 – 2,4 mg/l. Tất cả vị trí quan trắc có BOD₅ thấp hơn mức B – Bảng 2 QCVN08:2023/BTNMT.

 <p>Hình 6. Giá trị COD tại các vị trí quan trắc</p>	<p>Thành phần nhu cầu ôxy hóa học (COD) của các mẫu nước nằm trong khoảng 5,9 – 8,3 mg/l. Tất cả vị trí quan trắc có COD thấp hơn mức B – Bảng 2 QCVN08:2023/ BTNMT.</p>
 <p>Hình 7. Giá trị DO tại các vị trí quan trắc</p>	<p>Ôxi hòa tan (DO) của các mẫu nước khá ổn định trong khoảng 5,86 - 6,32 mg/l. Tất cả các vị trí quan trắc có DO cao hơn mức B – Bảng 2 QCVN08:2023/ BTNMT.</p>

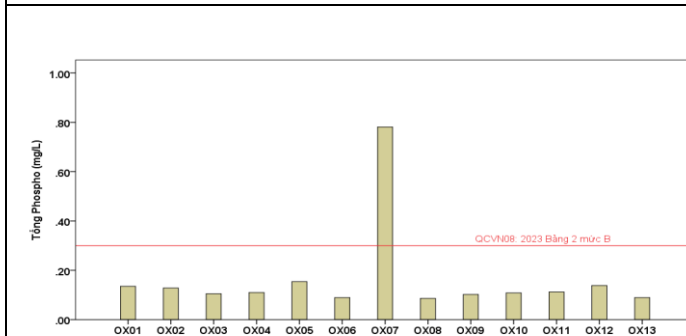
5. Ô nhiễm dinh dưỡng (NH₄, NO₂, TN, TP)

 <p>Hình 8. Giá trị Amoni tại các vị trí quan trắc</p>	<p>Amoni (NH₄) của các mẫu nước trong khoảng 0 – 0,2 mg/l. Tất cả các vị trí quan trắc có NH₄ thấp hơn giới hạn Bảng 1 QCVN08:2023/ BTNMT.</p>
 <p>Hình 9. Giá trị Nitrit tại các vị trí quan trắc</p>	<p>Nitrit (NO₂) của các mẫu nước trong khoảng 0 – 0,07 mg/l. Đa số các vị trí quan trắc có NO₂ thấp hơn giới hạn Bảng 1 QCVN08:2023/ BTNMT, trừ OX05, OX06, OX07 và OX09 cao hơn giới hạn cho phép.</p>



Hình 10. Giá trị TN tại các vị trí quan trắc

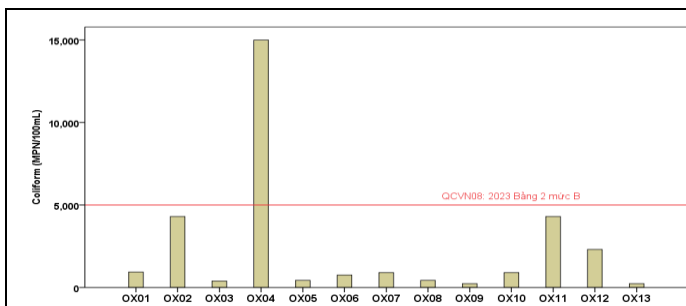
Tổng nitơ (TN) của các mẫu nước nằm trong khoảng 0,49 – 1,18 mg/l. Tất cả vị trí đều có tổng nitơ thấp hơn mức B – Bảng 2 QCVN08:2023/BTNMT.



Hình 11. Giá trị TP tại các vị trí quan trắc

Tổng photpho (TP) của các mẫu nước nằm trong khoảng 0,09 – 0,78 mg/l. Hầu hết các vị trí quan trắc có tổng photpho thấp hơn giới hạn cho phép theo mức B – Bảng 2 QCVN08:2023/BTNMT. Trừ vị trí OX07 cao hơn giới hạn cho phép.

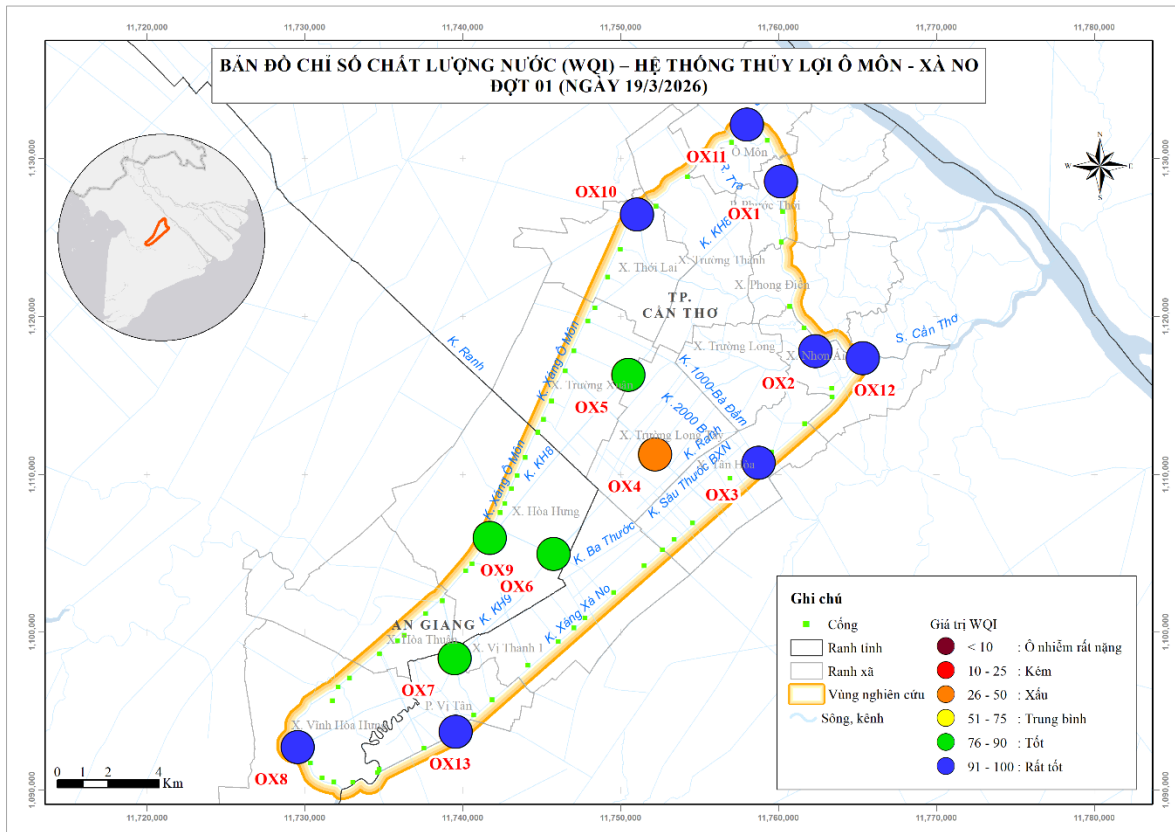
6. Ô nhiễm vi sinh



Hình 12. Coliform tại các vị trí quan trắc

Thành phần Coliform của các mẫu nước khá biến động và nằm trong khoảng 230 – 15000 MPN/100ml. Hầu hết các vị trí quan trắc có coliform thấp hơn giới hạn theo mức B - Bảng 2 QCVN08:2023/BTNMT, trừ vị OX04.

7. Kết quả tính WQI



Hình 13. Giá trị WQI chất lượng nước vùng Ô Môn – Xà No đợt 01 ngày 19/3/2026

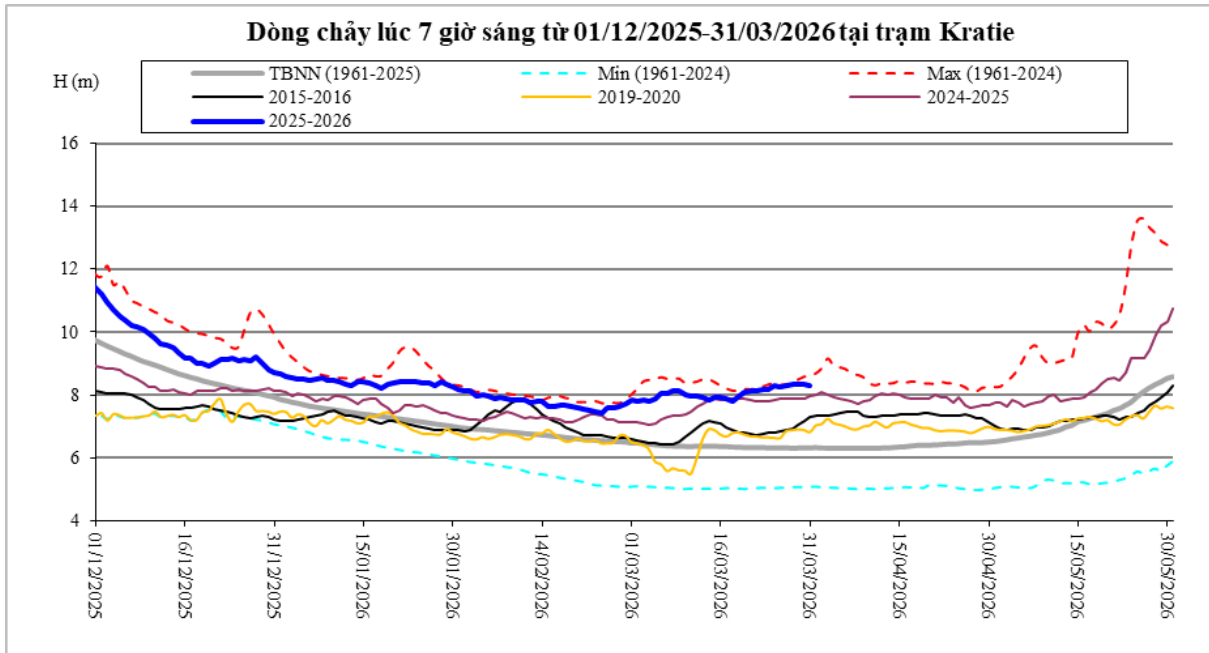
Theo kết quả, giá trị WQI cho thấy:

- 6/6 vị trí nguồn cấp có WQI đạt mức rất tốt trong tháng 3 đảm bảo yêu cầu cấp nước cho mục đích sản xuất nông nghiệp.
- 3/4 vị trí trung tâm có WQI ở mức tốt và 1 vị trí ở mức kém. Tuy nhiên, vị trí OX04 ở mức kém do có hàm lượng Coliform cao vượt mức B – Bảng 2, QCVN08:2023/BTNMT.
- 2/3 vị trí hạ lưu đạt WQI mức rất tốt và 1 vị trí đạt mức tốt.

IV. Dự báo diễn biến chất lượng nước tháng 04/2026

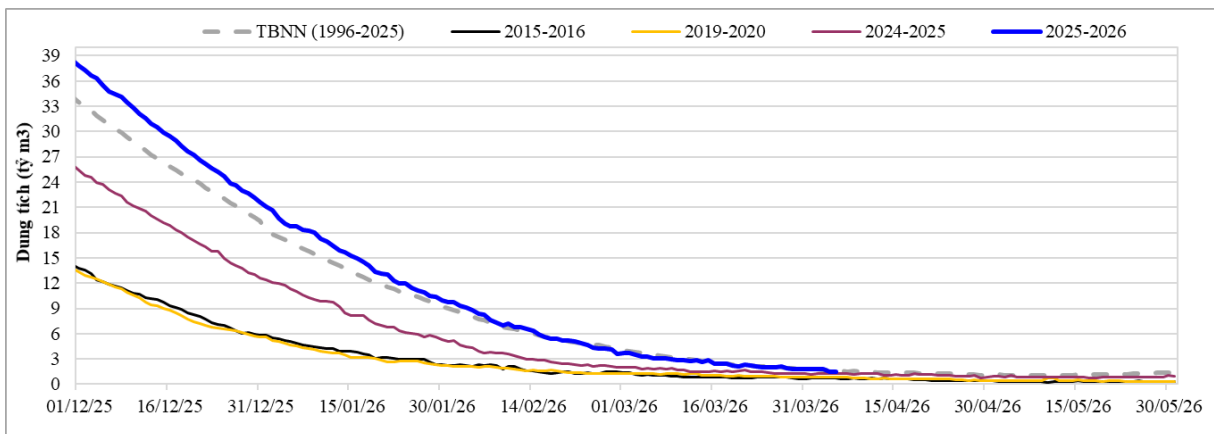
4.1. Diễn biến thủy văn và tình hình sản xuất tháng 04/2026

Mực nước trên dòng chính sông Mê Công tại trạm Kratie trong tháng 03 năm 2026 ở mức cao và có xu thế tăng với cường xuất trung bình 1,5 cm/ngày. Đến ngày 31/03/2026 mực nước đạt mức 8,31 m. So sánh cùng kỳ: cao hơn TBNN 2,01 m; cao hơn năm 2025 0,33 m, cao hơn năm 2020 1,50 m; cao hơn năm 2016 1,03 m. Nhận định trong tháng 04 năm 2026, mực nước có xu thế giảm nhưng vẫn duy trì ở mức cao, cao hơn cùng kỳ năm 2025, cao hơn khá nhiều so với cùng kỳ TBNN và các năm 2020 và 2016.



Hình 14. Diễn biến mực nước tại trạm Kratie đến ngày 31/03/2026

Dung tích biển Hồ trong tháng 03 năm 2026 ở mức trung bình và có xu thế giảm. Đến ngày 31/03/2026 dung tích đạt mức 1,83 tỷ m³. So sánh cùng kỳ: xấp xỉ TBNN (1996-2025); cao hơn năm 2025 khoảng 48% tương ứng khoảng 0,59 tỷ m³; nhưng cao hơn năm 2020 khoảng 113% tương ứng khoảng 0,97 tỷ m³; cao hơn năm 2016 khoảng 177% tương ứng khoảng 1,17 tỷ m³. Nhận định trong tháng 04 năm 2025, dung tích Biển Hồ có xu thế giảm nhẹ và ở mức xấp xỉ hoặc thấp hơn khá nhiều TBNN, nhưng cao hơn cùng kỳ năm 2025 và cao hơn khá nhiều so với cùng kỳ các năm 2020 và 2016.



Hình 15. Diễn biến dung tích Biển Hồ đến ngày 31/03/2026

Theo kết quả dự báo triều của Viện Kỹ thuật Biển cho thấy, triều ven biển Đông có xu thế tăng dần từ Vũng Tàu đến Gành Hào; triều ven biển Tây có xu thế giảm dần từ Sông Đốc đến Rạch Giá. Đỉnh triều dự báo trong tháng 04 năm 2026 ở mức thấp hơn đỉnh triều cùng kỳ năm 2025 và phổ biến thấp hơn đỉnh triều dự báo trong tháng 03 năm 2026, nhưng cao hơn khá nhiều so với đỉnh triều cùng kỳ TBNN (1996-2025) và cao hơn cùng kỳ các năm 2020 và 2016. Chân triều dự báo trong tháng 04 năm 2026 ở mức cao hơn chân triều cùng kỳ

TBNN (1996-2025), cao hơn chân triều cùng kỳ các năm 2025, 2020 và 2016 và cao hơn chân triều dự báo trong tháng 03 năm 2026 trên khu vực ven biển Đông, thấp hơn chân triều dự báo trong tháng 03 năm 2026 trên khu vực ven biển Tây.

Bảng 3. Triều dự báo tháng 04/2026

TT	Trạm	Hmax (m)	Ngày đạt Hmax	Hmin (m)	Ngày đạt Hmin
1	Vũng Tàu	1,18	19/04	-2,49	20/04
2	Vàm Kênh	1,30	19/04	-2,05	20/04
3	Bình Đại	1,49	19/04	-1,91	20/04
4	An Thuận	1,43	19/04	-1,82	20/04
5	Bến Trại	1,56	20/04	-1,70	22/04
6	Trần Đề	2,01	20/04	-1,64	21/04
7	Gành Hào	2,37	20/04	-1,75	21/04
8	Sông Đốc	0,98	21/04	0,06	22/04
9	Xèo Rô	0,72	21/04	-0,38	21/04
10	Rạch Giá	0,28	23/04	-0,06	21/04

Nguồn: Viện Kỹ thuật Biển

Diễn biến mực nước dự báo trong tháng 04 năm 2026 trên vùng Ô Môn – Xà No như sau: Mực nước lớn nhất biến đổi từ 0,35 m đến 1,25 m; mực nước trung bình biến đổi từ 0,25 đến 0,60 m; mực nước nhỏ nhất biến đổi từ -0,73 đến 0,22 m. Mực nước có xu thế giảm dần từ phía sông Hậu về phía sông Cái Lớn, diễn biến theo triều, trong thời gian này các cống mở hai chiều.

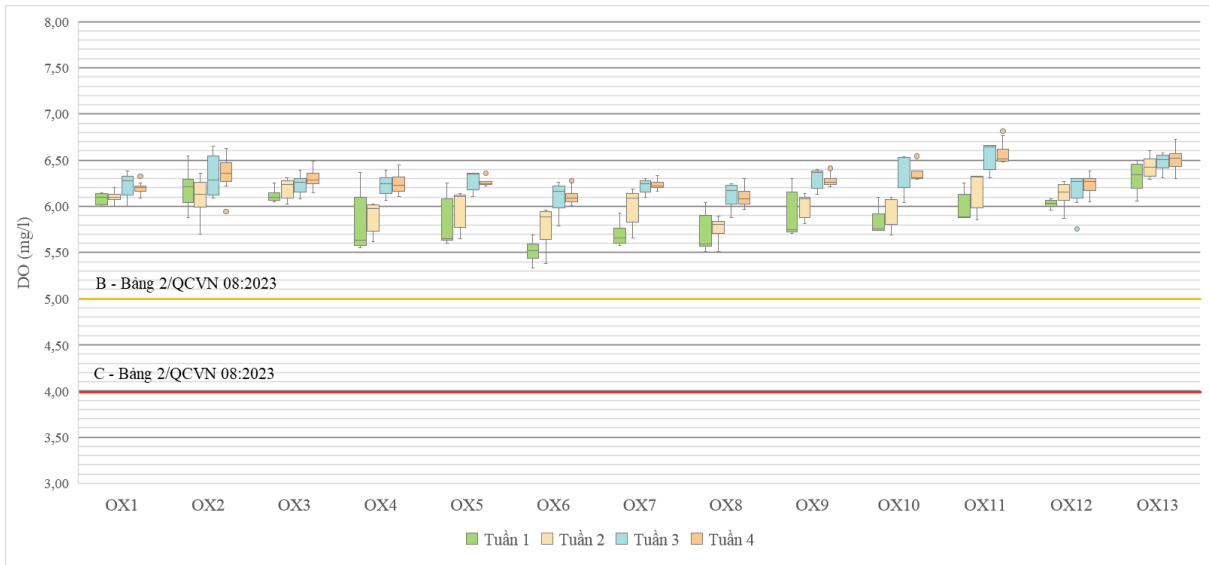
Tình hình sản xuất: Theo số liệu thống kê của Cục trồng trọt và Bảo vệ thực vật đến đầu tháng 4 năm 2026 kết hợp ước tính theo tỷ lệ diện tích tự nhiên của các xã/phường thuộc trong vùng Ô Môn – Xà No cho thấy, vụ Đông Xuân 2025 – 2026 trên vùng Ô Môn - Xà No đến nay đã xuống giống đạt khoảng 30.000 ha và mới thu hoạch được khoảng 2% diện tích xuống giống. Dự kiến tới cuối tháng 04 năm 2026 diện tích thu hoạch dự kiến đạt khoảng 70-80% diện tích xuống giống.

4.2. Kết quả dự báo diễn biến chất lượng nước trong tháng 04/2026

a. Ô nhiễm hữu cơ DO

Qua kết quả dự báo cho thấy, giá trị DO tại các trạm trong tháng 04 năm 2026 ở mức khá cao biến đổi từ 5,33 mg/l đến 6,82 mg/l. Trong đó, khu vực các trạm OX2, OX6, OX8, OX10, OX11 và OX13 có giá trị DO trong từng tuần và giữa các tuần biến động mạnh hơn so với các trạm còn lại. Giá trị DO trong tuần 3 và tuần 4 phổ biến cao hơn so với tuần 1 và tuần 2. Khu vực các trạm OX6, OX7, OX8 có giá trị DO ở mức thấp hơn so với các trạm còn lại. Giá trị DO tại tất cả các trạm đều trên mức B trong Bảng 2/QCVN 08:2023. Qua kết quả dự

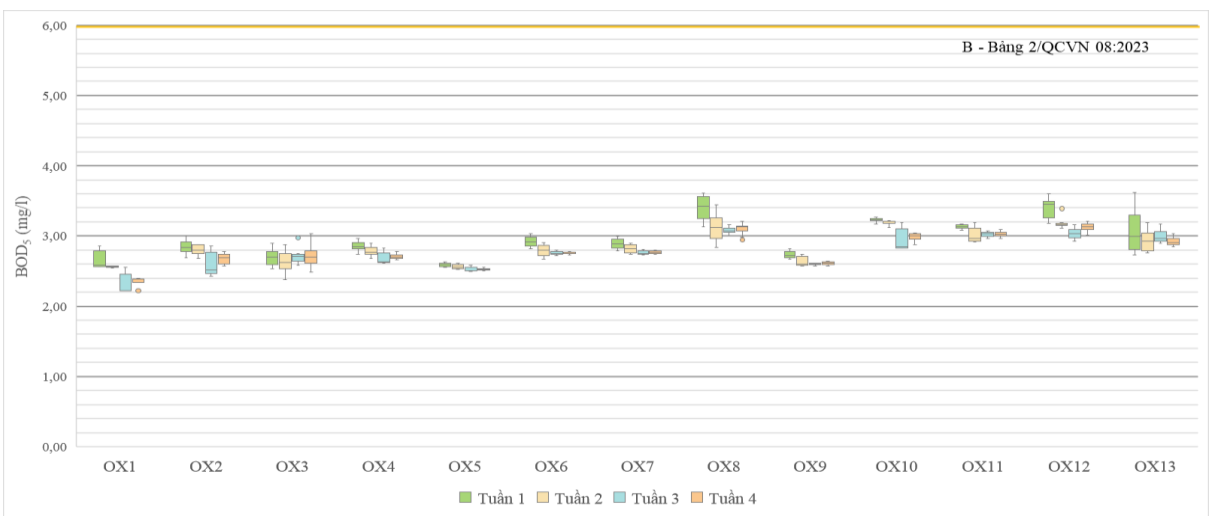
báo cho thấy yếu tố chất lượng nước DO đảm bảo tốt để cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp trong tháng tới.



Hình 16. Kết quả dự báo diễn biến DO trong các tuần tháng 04/2026

b. Ô nhiễm hữu cơ BOD₅

Chỉ tiêu BOD₅ tại các trạm trong tháng 04 năm 2026 dự báo ở mức thấp biến đổi từ 2,22 mg/l đến 3,62 mg/l. Trong đó, khu vực các trạm OX1, OX2, OX8, OX12 và OX13 có giá trị BOD₅ trong từng tuần và giữa các tuần biến động mạnh hơn so với các trạm còn lại. Giá trị BOD₅ trong tuần 1 và tuần 2 phổ biến cao hơn so với tuần 3 và tuần 4. Khu vực các trạm OX8, OX10 đến OX13 có giá trị BOD₅ ở mức cao hơn so với các trạm còn lại. Giá trị BOD₅ tại tất cả các trạm đều đang ở mức thấp hơn khá nhiều so với mức B – Bảng 2, QCVN08:2023/BTNMT. Qua kết quả dự báo cho thấy yếu tố chất lượng nước BOD₅ đảm bảo tốt để cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp trong tháng tới.

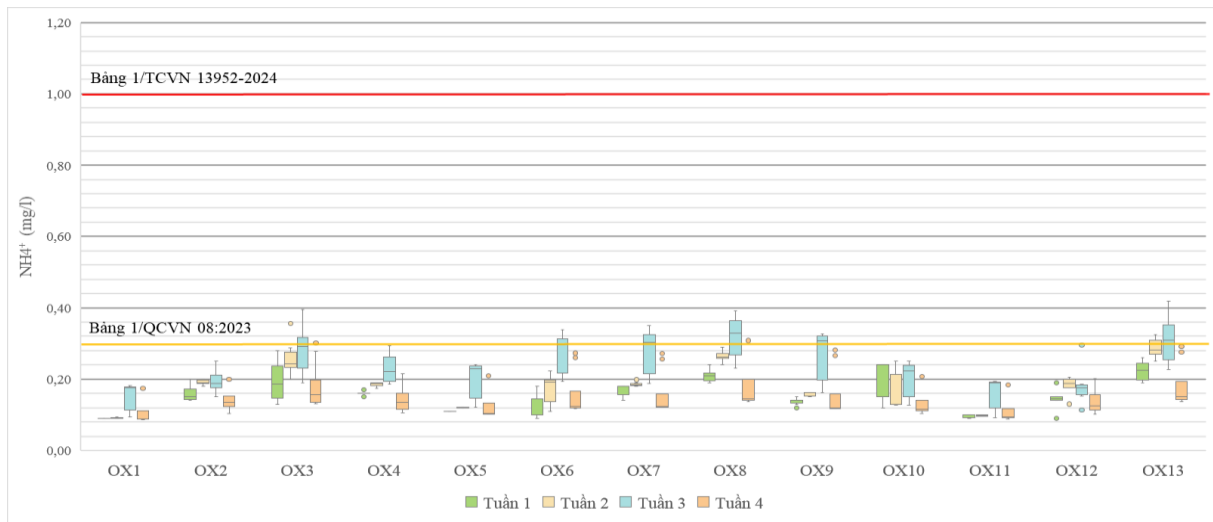


Hình 17. Kết quả dự báo diễn biến BOD₅ trong các tuần tháng 04/2026

c. Ô nhiễm dinh dưỡng NH_4^+

Chỉ tiêu NH_4^+ tại các trạm trong tháng 04 năm 2026 dự báo ở mức thấp biến đổi từ 0,09 mg/l đến 0,42 mg/l. Trong đó, khu vực các trạm OX3, OX4, OX6 đến OX10 và OX13 có giá trị NH_4^+ trong từng tuần và giữa các tuần biến động mạnh hơn so với các trạm còn lại. Giá trị NH_4^+ trong tuần 2 và tuần 3 phổ biến cao hơn so với tuần 1 và tuần 4. Khu vực các trạm OX3, OX6, OX7, OX8, OX9 và OX13 có giá trị NH_4^+ ở mức cao hơn so với các trạm còn lại. Giá trị NH_4^+ tại tất cả các trạm đều đang ở mức thấp hơn nhiều so với giá trị giới hạn của các thông số nước cho nuôi trồng thủy sản thương phẩm nước ngọt tại Bảng 1 – TCVN 13952 -2024. So với giá trị giới hạn tối đa các thông số ảnh hưởng tới sức khỏe con người tại Bảng 1 - QCVN 08:2023/BTNMT thì chỉ có khu vực các trạm OX3, OX6, OX7, OX8, OX9 và OX13 vào tuần 3 có một số ngày giá trị NH_4^+ vượt ngưỡng cho phép.

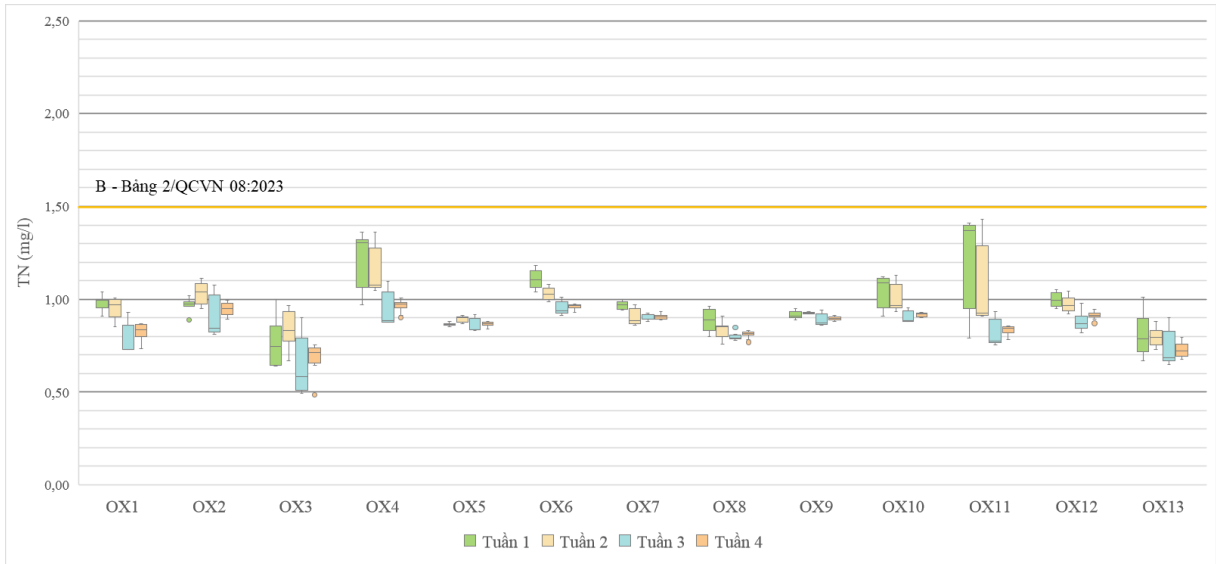
Qua kết quả dự báo cho thấy yếu tố chất lượng nước NH_4^+ đảm bảo tốt để cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp trong tháng tới, chỉ không phù hợp dùng nước cho sinh hoạt.



Hình 18. Kết quả dự báo diễn biến NH_4^+ trong các tuần tháng 04/2026

d. Ô nhiễm dinh dưỡng TN

Chỉ tiêu TN tại các trạm trong tháng 04 năm 2026 dự báo biến đổi từ 0,49 mg/l đến 1,43 mg/l. Trong đó, khu vực các trạm OX1 đến OX3, OX6, OX8, OX11 đến OX13 có giá trị TN trong từng tuần và giữa các tuần biến động mạnh hơn so với các trạm còn lại. Giá trị TN trong tuần 1 và tuần 2 phổ biến cao hơn so với tuần 3 và tuần 4. Khu vực các trạm OX2, OX4, OX6 và OX12 có giá trị TN ở mức cao hơn so với các trạm còn lại. Giá trị TN tại tất cả các trạm đều đang ở mức thấp hơn so với mức B – Bảng 2, QCVN08:2023/BTNMT. Qua kết quả dự báo cho thấy yếu tố chất lượng nước TN đảm bảo tốt để cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp trong tháng tới.



Hình 19. Kết quả dự báo diễn biến TN trong các tuần tháng 04/2026

V. Kết luận, kiến nghị

- Giám sát chất lượng nước tại các trạm quan trắc định kỳ

Đối với Ô Môn - Xà No trong đợt quan trắc, các vị trí giám sát có WQI rất tốt. Tuy nhiên, OX4 có hàm lượng Coliform cao hơn mức B – Bảng 2 QCVN08:2023/BTNMT. Các vị trí OX5, OX6, OX7, OX9 có hàm lượng nitrit cao hơn giới hạn Bảng 1 QCVN08:2023/BTNMT. Vị trí OX7 có hàm lượng tổng phospho cao hơn mức B - Bảng 2 QCVN08:2023/BTNMT.

Khuyến cáo, đối với các khu vực chất dinh dưỡng cao không sử dụng nước cho mục đích ăn uống, cần sử dụng phân bón theo khuyến cáo và hướng dẫn nông dân tránh sử dụng phân bón quá mức làm tích tụ chất dinh dưỡng gây ảnh hưởng đến nguồn nước. Đối với khu vực có hàm lượng Coliform cao, nguồn nước cần phải xử lý đảm bảo tiêu chuẩn trước khi sử dụng.

- Dự báo chất lượng nước trong tháng tiếp theo

Theo kết quả dự báo các chỉ số chất lượng nước DO, BOD₅, NH₄⁺, TN tại 13 vị trí trong hệ thống thủy lợi Ô Môn – Xà No trong tháng 04 năm 2026, so sánh với giới hạn cho phép tại mức B – Bảng 2 QCVN08:2023/BTNMT cho các chỉ số DO, BOD₅, TN và giới hạn cho phép tại Bảng 1 - TCVN 13952 - 2024 và Bảng 1 - QCVN08:2023/BTNMT cho chỉ số NH₄⁺. Cho thấy, chất lượng nguồn nước cơ bản đảm bảo để cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp trong tháng tới.

Khuyến cáo địa phương thực hiện thu gom rác thải, lục bình trên các sông kênh theo định kỳ, nhất là các khu vực bên trong nội đồng, sau các công và khu vực đông dân cư để làm sạch thoáng mặt nước, giảm nguy cơ tồn đọng các chất ô nhiễm cũng như làm tăng nồng độ oxy hòa tan tự nhiên.

Hiện nay đang trong thời kỳ nửa cuối của mùa khô, mực nước lưu lượng trên các sông kênh rạch dự báo ở mức thấp và giảm trong tháng 4 năm 2026 sẽ có nhiều nguy cơ gây ra ô nhiễm do tồn đọng chất thải trên các sông kênh đặc biệt là các khu vực đông dân cư, vùng giáp nước và khu vực bên trong nội đồng.

Kiến nghị các địa phương thường xuyên theo dõi cập nhật dự báo về nguồn nước và chất lượng nước liên quan đến HTTL Ô Môn – Xà No để kịp thời có biện pháp xử lý phù hợp, đảm bảo chất lượng nguồn nước cho sản xuất.

Nơi nhận:

- Bộ NN&MT (để b/c);
- Trung tâm QH&ĐTTNNQG (để b/c);
- Cục QL&XDCTTL (để b/c);
- Sở NN&MT tỉnh An Giang và TP. Cần Thơ;
- Chi cục Thủy lợi tỉnh An Giang và TP. Cần Thơ;
- Phòng Kinh tế/Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị các xã/phường thuộc tỉnh An Giang và TP. Cần Thơ;
- Công ty TNHH MTV Khai thác Thủy lợi Miền Nam;
- Lưu: P.KHCN&HTQT.

VIỆN TRƯỞNG 



Dặng Thanh Lâm